TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2017/DS-PT
Ngày: 20-12-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thinh

Các thẩm phán: Ông Lâm Văn Be

Bà Lê Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2017/TLPT-DS, ngày 09 tháng 10 năm 2017, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2017/DS-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2017/QĐ-PT, ngày 08 tháng 11 năm 2017; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1971; địa chỉ cư trú: Số 10/2 khu phố A, phường A1, thành phố A2, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Vi Anh B, sinh năm: 1973; địa chỉ cư trú: Số 7, tổ 23, ấp N, xã N1, Huyện N2, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản uỷ quyền ngày 30-12-2016); có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm: 1970; địa chỉ cư trú: Ấp H1, xã H2, Huyện H3, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Thanh L, sinh năm: 1966; địa chỉ cư trú: Ấp L1, xã L2, Huyện L3, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1960; địa chỉ cư trú: 391/16/7D Huỳnh Tấn Phát, khu phố V, phường V1, quận V2, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản uỷ quyền ngày 09-01-2017); có mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Phạm Văn T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/11/2016 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Văn T trình bày: Vào ngày 24-6-2016, anh có cho chị H vay số tiền 1.600.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, không thế chấp tài sản, lãi suất hai bên thỏa thuận 9%/tháng, hẹn khoảng 05 ngày sau khi đáo hạn ngân hàng chị H sẽ trả đủ số tiền trên. Khi vay tiền, anh có đưa giấy mượn tiền đã được đánh máy sẵn còn những chỗ trống trong giấy mượn tiền cho chị L là chị ruột của chị H ghi thêm vào và chị H ký tên. Ngày 24-6-2016 anh chưa có đủ tiền nên chị H cầm giấy mượn tiền về, đến ngày 25-6-2016 anh điện thoại cho chị H lên lấy tiền nhưng cũng chưa có đủ tiền nên chị H cầm giấy mượn tiền về. Đến ngày 28-6-2016 anh mới giao số tiền 1.600.000.000 đồng cho chị H tại cổng ngân hàng. 05 ngày sau, anh có đến nhà chị H nhắc nợ nhưng chị H hẹn nợ, đến nay vẫn không trả nợ gốc và lãi.

Nay anh yêu cầu chị H có trách nhiệm trả số tiền 1.600.000.000 đồng cho anh và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn - chị Lê Thị Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn V trình bày: Bị đơn xác định toàn bộ lời trình bày của anh T và người đại diện theo uỷ quyền của anh T là không đúng. Từ năm 2014 đến năm 2016, chị H không vay tiền ngân hàng nên ngày 24-6-2016 chị H không vay số tiền 1.600.000.000 đồng của anh T để đáo nợ ngân hàng.

Chị L là chị ruột của chị H; trong năm 2015, chị L có vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh tỉnh Tây Ninh, đến hạn trả nợ chị L không có khả năng trả nợ nên đến nhà anh T để vay tiền, cụ thể: Vào ngày 24-6-2015, chị H và chị L cùng đến nhà anh T vay số tiền 1.600.000.000 đồng để trả nợ đáo hạn tại ngân hàng. Anh T biết tài sản thế chấp tại ngân hàng là tài sản của chị H, do đó anh T yêu cầu chị L, chị H cùng ký tên vào giấy mượn tiền. Anh T đưa giấy mượn tiền được đánh máy sẵn cho chị L viết thêm vào những chỗ trống trong giấy mượn tiền. Chị L viết giấy mượn tiền ghi ngày 24-6-2015 tại nhà anh T, viết cả hai tên chị L, chị H và cả hai chị cùng ký tên trong giấy mượn tiền.

Sau khi chị L viết và hai chị em ký tên xong, giao cho anh T giữ giấy mượn tiền, giấy không có sửa chữa hay gạch bỏ chữ nào. Anh T không giao tiền cho chị L mà cả ba người gồm anh T, chị L và chị H cùng đến ngân hàng; anh T nộp tiền tại ngân hàng và giữ giấy tờ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của chị L, chị H. Sau đó, anh T tự làm thủ tục vay lại cho chị L và đến ngày 01-7-2015 ngân hàng cho chị L vay lại số tiền 1.600.000.000 đồng, chị L đã chuyển trả số tiền 1.600.000.000 đồng cho anh T thông qua giấy ủy nhiệm chi tại ngân hàng, còn giấy mượn tiền do hai chị em ký chị chưa lấy lại.

Đối với giấy mượn tiền (ngày 24-6-2016 do anh T cung cấp cho Toà) có chỗ gạch bỏ họ tên, chữ ký của chị Lê Thị Thanh L và có chỗ sửa ngày 24 sửa thành ngày 25 và năm 2015 sửa thành năm 2016 là do anh T tự gạch bỏ và tự sửa chữa. Vì giấy mượn tiền chỉ có một bản, chị L viết xong giấy mượn tiền giao cho anh T

giữ. Anh T tự gạch bỏ họ tên, chữ ký của chị L và tự sửa ngày, sửa năm để anh T dùng giấy mượn tiền cũ (ngày 24-6-2015 đã thanh toán nợ xong) để tiếp tục kiện chị H đòi số tiền vay 1.600.000.000 đồng.

Bị đơn không đồng ý trả số tiền 1.600.000.000 đồng theo như yêu cầu khởi kiện của anh T.

Nguyên đơn – anh T trình bày thêm: Đối với giấy mượn tiền có chỗ gạch bỏ họ tên và chữ ký của chị Lê Thị Thanh L là do khi chị L viết giấy vay tiền ghi thêm tên chị L vào trong giấy mượn tiền, anh không đồng ý vì anh cho chị H vay tiền không liên quan đến chị L nên yêu cầu chị L gạch bỏ. Ngày 24 sửa thành ngày 25 là do chị L ghi sai ngày nên chị L tự sửa. Năm 2015 sửa thành năm 2016 là do anh đánh máy sẵn mẫu giấy mượn tiền năm 2015 nên chị L sửa thành năm 2016 cho chính xác. Chị L sửa chữa ngày, năm tại thời điểm viết giấy mượn tiền là ngày 24-6-2016. Anh xác định ngày ghi trong giấy mượn tiền là ngày 25-6-2016 không phải là ngày 24-6-2015 và ngày 28-6-2016 là ngày anh T giao số tiền 1.600.000.000 đồng cho chị H, chị H giao lại giấy mượn tiền cho anh T tại cổng ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thanh L và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Lời trình bày của anh T và người đại diện theo ủy quyền của anh T là không đúng. Lời trình bày của chị H là đúng. Trong năm 2016, chị L và chị H không vay tiền của anh T. Số tiền 1.600.000.000 đồng vay ngày 25-6-2015 là do chị vay nhưng anh T buộc cả chị H ký tên vì chị H là người có tài sản thế chấp cho chị vay vốn tại ngân hàng. Ngày 01-7-2015 chị vay được tiền và chuyển khoản cho anh T xong, không còn nợ khoản vay này.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 40/2017/DS-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 427, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T đối với chị Lê Thị Thanh H về tranh chấp ‘‘Hợp đồng vay tài sản’’.

Anh T phải chịu số tiền 1.500.000 đồng là tiền chi phí giám định, do chị H đã tạm ứng nộp số tiền 1.500.000 đồng chi phí giám định nên anh T phải hoàn trả cho chị H số tiền 1.500.000 đồng.

Về án phí DSST: Anh T phải chịu 60.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1à 30.000.000 đồng theo biên lai số 0014753 ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu; anh T còn phải nộp 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 13-9-2017, anh Phạm Văn T là nguyên đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm buộc chị H trả số tiền vay 1.600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh T khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền 1.600.000 đồng mà anh cho rằng chị H vay vào ngày 24-6-2016. Chứng cứ anh T cung cấp là "giấy mượn tiền" do chị Lê Thị Thanh L viết với nội dung vay số tiền 1.600.000.000 đồng để đáo hạn nợ ngân hàng, chị H và chị L ký tên nhưng giấy này đã bị sửa chữa ngày, năm và gạch bỏ tên, chữ ký của chị Lê Thị Thanh L.

[2] Chị H và chị L xác định vào ngày 25-6-2015 hai chị có ký "giấy mượn tiền" của anh T với số tiền vay là 1.600.000.000 đồng, và trả xong vào ngày 01-7-2015 nhưng không lấy giấy mượn tiền lại vì khi trả tiền là chuyển khoản, nên anh T lấy giấy này sửa lại ngày, năm vay tiền để kiện chị H. Xét thấy, "giấy mượn tiền" do anh T xuất trình bản gốc thể hiện ngày và năm bị sửa, bị gạch bỏ họ tên và chữ ký của chị Lê Thị Thanh L. Anh T cho rằng anh chỉ cho chị H vay tiền, không cho chị L cùng vay vì chị L vẫn còn nợ chưa trả hết nên khi chị L viết cả tên chị L vào giấy, anh đã yêu cầu chị L gạch bỏ họ tên và chữ ký của chị L ngay lúc đó nhưng chị L không thừa nhận việc này và giấy mượn tiền chỉ có một bản do anh T giữ. Kết luận giám định ngày 04-7-2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Nội dung ''năm 201...'' là nội dung được in sẵn. Số ''5'' là số viết tay nguyên thuỷ, số ''6'' hiện tại được sửa từ số ''5''. Như vậy, lời trình bày của anh T có mâu thuẫn, khi thì anh khai năm 2015 trong giấy đánh máy sẵn, chị L sửa lại số 5 thành số 6 cho đúng; khi thì anh khai do chị L ghi năm 2015 sau đó sửa lại thành 2016. Như vậy, giấy mượn tiền do anh T cung cấp là giấy chị L và chị H ký vay tiền vào ngày 25-6-2015 bị sửa chữa thành giấy vay tiền ngày 24-6-2016, nên đây là chứng cứ giả mạo, không có thật.

[3] Anh T cho rằng ngày 28-6-2016 anh giao số tiền 1.600.000.000 đồng cho chị H tại cổng ngân hàng để chị H đáo hạn nợ ngân hàng. Nhưng chứng cứ thu thập được tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi

nhánh tỉnh Tây Ninh xác định: Từ năm 2015 đến nay, chị H không vay tiền ngân hàng mà chị L có vay tiền ngân hàng. Ngày 28-6-2016 người chuyển trả nợ vay của chị L số tiền 1.600.000.000 đồng qua lệnh thanh toán tại ngân hàng là ông Trần Văn Gòn chứ không phải anh T. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ; yêu cầu kháng cáo của anh T không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh T không được Tòa án chấp nhận nên anh T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 BLTTDS và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngoài ra anh T còn phải chịu chi phí giám định, nhưng do chị H đã tạm ứng tiền chi phí giam định nên anh T có trách nhiệm hoàn trả cho chị H số tiền đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T về việc yêu cầu chị Lê Thị Thanh H trả số tiền vay 1.600.000.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 60.000.000 đồng; anh T đã nộp 30.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai số 0014753 ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu được khấu trừ; anh T còn phải nộp 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng; ghi nhận anh T đã nộp từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0015661, ngày 13/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu; anh T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Chi phí tố tụng: Anh T có trách nhiệm hoàn trả cho chị H số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng chi phí giám định.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Dương Minh Châu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Dương Minh Châu;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Văn Thinh